TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 422/2025/HNGĐ-ST Ngày: 22/5/2025 V/v : Tranh chấp ly hôn giữa bà Lê Kim C và ông Nguyễn Phúc H	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Duy Minh Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thái Thục Hiền

2. Ông Đoàn Văn Rỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Trinh – Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2024, về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/5/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Kim C; Sinh năm 1988;

Nơi cư trú: Số A đường P, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh;

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Phúc H; Sinh năm 1980;

Nơi cư trú: Số B đường số E, khu C, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh;

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, nguyên đơn - bà Lê Kim C trình bày:

Bà Kim C và ông Nguyễn Phúc H là vợ chồng, được nhà nước công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 74, do Ủy ban nhân dân Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/04/2023.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống khá hạnh phúc nhưng càng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng. Hai vợ chồng có quan điểm sống trái ngược nhau, không thể dung hòa được. Từ đó dẫn đến việc thường xuyên gây gỗ, cãi vã nhau, không khí gia đình ngày càng trở nên ngột ngạt. Dù đã cố gắng hết sức để hàn gắn nhưng không mang lại kết quả.Vợ chồng vẫn bất đồng với nhau về nhiều vấn đề, mâu thuẫn trầm trọng đến mức không thể hàn gắn được. Trên danh nghĩa là vợ chồng nhưng từ lâu cả hai đã không còn coi nhau là vợ chồng, không ai tôn trọng, quan tâm đến ai.

Do đó, bà Kim C nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Kim C được ly hôn ông Nguyễn Phúc H.

Về con chung: Bà Kim C tự xác định không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Kim C tự xác định giữa bà Kim C và ông H không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Nguyên đơn có văn bản đề nghị không tiến hành hòa giải và giải quyết vắng mặt trong vụ án.

Tại đơn phản tố, đơn rút toàn bộ yêu cầu phản tố cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, bị đơn - ông Nguyễn Phúc H trình bày:

Ông H và bà Lê Kim C kết hôn có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 74, do Ủy ban nhân dân Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/04/2023. Thời gian đầu vợ chồng chung sống khá hạnh phúc nhưng càng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng. Bà Lê Kim C nộp đơn đến Tòa án để đề nghị giải quyết ly hôn. Ông H có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn với bà Lê Kim C, do cả hai đã mâu thuẫn trầm trọng không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân được nữa;

- Về con chung: Xác định và cam kết giữa ông H và bà C không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông H và bà Lê Kim C đã giải quyết với nhau về vấn đề tài sản chung và nợ chung, hiện nay cả hai không còn tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 12/05/2025, ông H đã có đơn nộp đến Tòa án để yêu cầu rút toàn bộ yêu cầu phản tố về nội dung buộc bà Lê Kim C phải trả cho ông Nguyễn Phúc H năm mươi phần trăm số tiền nợ chung tương đương số tiền 1.337.500.000 đồng, đơn đề nghị không hòa giải và đơn xin giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và xét xử, Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, về thời hạn giải quyết vụ án chưa đảm bảo theo quy định của pháp luật, nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận đơn rút yêu cầu phản tố của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn và bị đơn đều có văn bản yêu cầu không hòa giải. Do vậy, theo quy định tại Điều 207 của Bộ Luật tố tụng dân sự, vụ án không thể tiến hành hòa giải được.

Nguyên đơn – bà Lê Kim C và bị đơn – ông Nguyễn Phúc H có đơn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn khởi kiện của bà Lê Kim C thì đây là tranh chấp ly hôn theo yêu cầu một bên, do bị đơn là ông Nguyễn Phúc H có cư trú tại Quận H, nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8 theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Bà Lê Kim C và ông Nguyễn Phúc H chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 74, đăng ký ngày 18/4/2023, nên xét đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp phù hợp với Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của bà Kim C: Bà Kim C trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do giữa bà Kim C và ông H bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên gây tranh cãi. Dù đã cố gắng hòa giải nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn sự chia sẻ và tôn trọng nhau, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc. Tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Nên bà Kim C yêu cầu được ly hôn. Căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu của bà Kim C là có căn cứ cần giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, ông H xác nhận mâu thuẫn gia đình giữa bà Kim C và ông H đã trầm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống, ông H cũng

thể hiện ý kiến đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà Kim C cho thấy mục đích hôn nhân không còn đạt được, nên yêu cầu ly hôn của bà Kim C là có căn cứ cần chấp nhận vì phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.2] Về con chung: Các bên đương sự cùng xác nhận và cam kết không có con chung, không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, nếu sau này có tranh chấp, các bên có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn: Ngày 12/05/2025, bị đơn - ông Nguyễn Phúc H có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố về nội dung buộc bà Lê Kim C phải trả cho ông Nguyễn Phúc H năm mươi phần trăm số tiền nợ chung tương đương số tiền là 1.337.500.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy tại biên bản làm việc cùng ngày 12/05/2025, ông H xác nhận đã tự giải quyết về vấn đề tài sản chung, nợ chung với bà Kim C, không còn tranh chấp về nội dung này, việc rút đơn phản tố của ông H là tự nguyện nên cần ghi nhận và áp dụng quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 217, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của ông H là phù hợp quy định pháp luật.

[5] Về án phí:

Đối với án phí ly hôn: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bà Kim C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Đối với án phí yêu cầu phản tố: Bị đơn có đơn rút toàn bộ yêu cầu phản tố trước khi Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử, căn cứ Khoản 3 Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần trả lại số tiền tạm ứng án phí phản tố mà bị đơn đã nộp là phù hợp quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 207, điểm c Khoản 1 Điều 217, các Điều 218, 219, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13;

Áp dụng:

- Các Điều 8, 9, 51, 56 và 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13;

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kim C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Kim C được ly hôn với ông Nguyễn Phúc H.

2. Về nuôi con chung: Đương sự tự xác định không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Trường hợp có tranh chấp, các bên có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu phản tố của bị đơn - ông Nguyễn Phúc H về nội dung buộc bà Lê Kim C phải trả cho ông Nguyễn Phúc H năm mươi phần trăm số tiền nợ chung tương ứng với số tiền là: 1.337.500.000 đồng.

5. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), bà Lê Kim C phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0036507 ngày 21/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Kim C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Nguyễn Phúc H số tiền tạm ứng án phí 26.062.500đ (Hai mươi sáu triệu không trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0028099 ngày 22/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Kim C, ông H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Lương Duy Minh Chính

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Q.8;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- VKSND Q.8;
- TAND TP.HCM;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.